BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do– Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TM94123: LÝ THUYẾT THIẾT KẾ KIẾN TRÚC NHÀ Ở
(ARCHITECTURAL DESIGN THEORY OF HOUSING)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: kì 5.
- Tín chỉ**: 3 (Lý thuyết: 3 - Thực hành: 0).**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Học lý thuyết trên lớp: 40,0 tiết
  + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 5 tiết
  + Thực hành trong phòng thực hành: 0,0 tiết
- Tự học: 105 tiết (theo kế hoạch cá nhân và hướng dẫn của giảng viên).
- Đơn vị phụ trách:
  + Bộ môn: Quản lý đất đai.
  + Khoa: Tài nguyên và Môi trường.
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành □		Chuyên ngành □	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chung		
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	1.2.Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	P
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích công tác quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để	P

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
	phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	P
Kỹ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị.	P
Tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	7.3. Tự định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	P
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	P

Ghi chú:

I *– Giới thiệu (Introduction: (Làm thành công dưới sự hướng dẫn các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

P *– Thực hiện (Practice: Làm một mình thành công nhưng chưa thành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

R *– Củng cố (Reinforce: Làm một mìnhthành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra nhưng chưa biết hướng dẫn cho người khác);*

M *– Đạt được (Master: thực hiện CĐR một cách độc lập và hướng dẫn người khác làm và đánh giá được họ có làm được các yêu cầu được đưa ra trong chuẩn đầu ra).*

* ***Mục tiêu***: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên:

- Về kiến thức: Nắm vững các kiến thức cơ bản về kiến trúc nhà ở bao gồm các khái niệm, các loại hình nhà ở; đặc điểm, yêu cầu và những nguyên lý chung trong công tác thiết kế nhà ở; xu hướng thiết kế nhà ở.
- Về kỹ năng: Xây dựng các kỹ năng cơ bản trong thiết kế nhà ở.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sáng tạo trong vận dụng các kiến thức về nhà ở phục vụ quản lý đô thị.

* ***Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
K1	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.
Kiến thức chuyên môn		
K2	CĐR3: Phân tích công tác quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
K3	CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng chuyên môn		
K4	CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	Chỉ báo 6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị;
Tự chủ và trách nhiệm		
K5	CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	Chỉ báo 7.3. Tự định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.
K6	CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	Chỉ báo 8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94123 Lý thuyết kiến trúc nhà ở (*Architectural design theory of housing*) (3 TC: 3,0 – 0,0 - 105 tiết). Khái niệm và các loại hình kiến trúc nhà ở; Các yếu tố ảnh hưởng tới kiến trúc nhà ở;Nguyên tắc, yêu cầu thiết kế và các không gian thành phần; Các xu hướng thiết kế nhà ở.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

1) Thuyết giảng trên lớp
2) Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm

2. Phương pháp học tập

1) Nghe giảng trên lớp
2) Thảo luận trên lớp
3) Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp

4) Chuẩn bị bài thuyết trình trước lớp

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học tối thiểu 75% số giờ lý thuyết.

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học

- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thảo luận các chủ điểm học tập trên lớp, chia nhóm tham gia trả lời các câu hỏi nhanh sau mỗi bài giảng, tham gia chuẩn bị thuyết trình ở nhà và thuyết trình trên lớp

- Thi cuối kì: Một bài thi.

VI. Đánh giá và cho điểm

1.Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3.Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá chuyên cần	K3, K4, K5	10	1-9
Đánh giá Thảo luận nhóm	K1, K2, K3, K5, K6	30	3-8
Đánh giá cuối kì	K1, K2, K3	60	Theo lịch thi HV

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về nhà ở, căn hộ, chung cư và không gian cư trú.
K1	Chỉ báo 2: Giải thích được lược sử quá trình phát triển nhà ở qua các thời kỳ xã hội
K1	Chỉ báo 3: Phân loại được các loại hình nhà ở theo chức năng, quy hoạch, chiều cao và đối tượng sử dụng.
K2	Chỉ báo 4: Phân tích được các nhóm không gian thành phần trong và ngoài nhà (phòng ngủ, khách, bếp, sân vườn…).
K2	Chỉ báo 5: Đánh giá được các xu hướng thiết kế nhà ở hiện đại như thiết kế tối giản, nhà ở thông minh, nhà ở xanh.
K2	Chỉ báo 6: Phân tích sự tác động của các yếu tố dân số, nghề nghiệp và kinh tế đến kiến trúc nhà ở.
K3	Chỉ báo 7: Đề xuất được các giải pháp thiết kế đáp ứng nguyên tắc tiện nghi, đa năng và bền vững.
K3	Chỉ báo 8: Vận dụng các yêu cầu về kỹ thuật, phòng cháy và hạ tầng trong quy hoạch tổng mặt bằng nhà ở.
K4	Chỉ báo 9: Sử dụng kỹ năng tìm kiếm và phân tích các mẫu nhà ở thực tế tại Việt Nam qua các giai đoạn.

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K4	Chỉ báo 10: Trình bày được ý tưởng thiết kế nhà ở đảm bảo tính chuyên môn và thực tiễn.
K5	Chỉ báo 11: Thể hiện năng lực thảo luận nhóm, phản biện và bảo vệ các kết luận chuyên môn về tổ chức không gian nhà ở.
K6	Chỉ báo 12: Thể hiện tinh thần tự học thông qua việc chủ động nghiên cứu tài liệu và phân tích tác động của vật liệu, công nghệ mới.

Các rubric đánh giá

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp) (10đ)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Tích cực tham gia	Tham gia	Chú ý	Không chú ý
Thời gian tham dự lớp	50	Tham dự từ 29-30 tiết	Tham dự từ 26-28 tiết	Tham dự từ 23-25 tiết	<23 tiết

Rubric 2: Đánh giá Thảo luận nhóm (10đ)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Kỹ năng thảo luận	50	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	50	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 3: Đánh giá thi cuối kỳ (10đ)

Tiêu chí	Trọng số, (%)	Tốt (8.5-10 đ)	Khá (6.5-8.4 đ)	Trung bình (4.0-6.5 đ)	Kém (0-4.0 đ)
Nội dung lý thuyết	100	Đúng 85-100% đáp án	Đúng 65-84% đáp án	Đúng 40-64% đáp án	Đúng <40% đáp án

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1, 2, 3 (Khái niệm, lịch sử, phân loại nhà ở)	K1
Chương 2	Chỉ báo 6 (Tác động của các yếu tố xã hội, kinh tế)	K1, K2,K3
Chương 3	Chỉ báo 7, 8 (Nguyên tắc thiết kế và yêu cầu kỹ thuật)	K1, K2, K3
Chương 4	Chỉ báo 5 (Các xu hướng thiết kế nhà ở hiện đại)	K2, K3

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi cuối kỳ sẽ bị nhận điểm 0 cuối kỳ.

Tham dự thảo luận, thuyết trình: Không tham dự sẽ nhận 0 điểm thảo luận nhóm và điểm tham dự lớp.

Tham dự lý thuyết: tối thiểu 75% số tiết lý thuyết của môn học

Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng thầy, cô, hợp tác, giúp đỡ bạn bè.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Phạm Trọng Thuật (2023). Lý thuyết thiết kế kiến trúc nhà ở. Nhà xuất bản xây dựng.

Tài liệu tham khảo

2. Adegoke, S. A. O., & Agbola, T. (2020). Housing Affordability and the Organized Private Sector Housing in Nigeria. *Open Journal of Social Sciences*, *08*(04), 177–192. https://doi.org/10.4236/jss.2020.84013.

3. Bentley, R., Mason, K., Jacobs, D., Blakely, T., Howden-Chapman, P., Li, A., Adamkiewicz, G., & Reeves, A. (2025). Housing as a social determinant of health: A contemporary framework. *The Lancet Public Health*, *10*(10), e855–e864. https://doi.org/10.1016/S2468-2667(25)00142-2.

4. Dinh, T. N., & Phuong, N. P. (2023). Social housing development: A case study in Bac Ninh province, Vietnam. *Housing, Care and Support*, *27*(1), 17–33. https://doi.org/10.1108/HCS-05-2023-0010.

5. Hue, N. T., & Nam, P. P. (2024). Impact of the COVID-19 pandemic on commercial housing demand in Vietnam. *Journal of Facilities Management*, *23*(4), 618–639. https://doi.org/10.1108/JFM-07-2023-0074.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
1-2	**Chương 1. Khái niệm và các loại hình kiến trúc nhà ở**			
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (10 tiết) *Nội dung giảng dạy lý thuyết: (10 tiết)* *1.1. Khái niệm nhà ở và các khái niệm liên quan* 1.1.1. Nhà ở 1.1.2. Căn hộ 1.1.3. Chung cư 1.1.4. Không gian cư trú *1.2. Lược sử quá trình phát triển nhà ở* 1.2.1. Xã hội công xã nguyên thủy 1.2.2. Xã hội chiếm hữu nô lệ 1.2.3. Xã hội phong kiến 1.2.4. Xã hội tư bản *1.3. Phân loại nhà ở* 1.3.1. Phân loại theo chức năng 1.3.2. Phân loại theo quy hoạch 1.3.3. Phân loại theo chiều cao 1.3.4. Phân loại theo kết cấu và biện pháp thi công 1.3.5. Phân loại theo đối tượng sử dụng 1.3.6. Phân loại theo cấp công trình	Thuyết trình, đặt câu hỏi tình huống, giải quyết tình huống	Thi tự luận	K1, K2

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	Nội dung semina/thảo luận: *(0 tiết)*			
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (25 tiết) Tìm các mẫu nhà ở tại Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.	Đưa ra các yêu cầu tìm kiếm mẫu nhà ở	Đánh giá theo tính đa dạng của các mẫu nhà ở tìm được	K1, K4, K5
3-5	**Chương 2. Các yếu tố ảnh hưởng tới kiến trúc nhà ở**			
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** *(15 tiết)* **Nội dung giảng dạy lý thuyết:** *(13 tiết)* *2.1. Yếu tố tự nhiên* 2.1.1. Địa hình 2.1.2. Khí hậu 2.1.3. Địa chất, thủy văn *2.2. Yếu tố xã hội* 2.2.1. Cơ sở văn hóa truyền thống, phong tục tập quán 2.2.2. Dân số 2.2.3. Kinh tế, nghề nghiệp, thu nhập 2.2.4. Cơ cấu nhân khẩu 2.2.5. Chính sách quản lý *2.3. Kỹ thuật, công nghệ* 2.3.1. Vật liệu xây dựng, kỹ thuật xây dựng 2.3.2. Công nghệ xây dựng 2.3.3. Trang thiết bị	Thuyết trình, đặt câu hỏi tình huống, giải quyết tình huống	Thi tự luận	K4, K5, K6
	Nội dung semina/thảo luận: *(2,0 tiết)* Phân tích tác động của vật liệu xây dựng và công nghệ đến kiến trúc nhà ở riêng lẻ.	Gợi mở vấn đề, phản biện ý kiến, kết luận	Đánh giá theo tính khoa học và chuyên môn, thực tiễn và khả thi, khả năng lập luận	
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(35 tiết)* Phân tích tác động của yếu tố dân số và nghề nghiệp đến kiến trúc nhà ở.	Đưa ra các yêu cầu	Đánh giá theo mức độ phân tích chuyên sâu cảu các tác động	K1, K4, K5
6-8	**Chương 3. Nguyên tắc, yêu cầu thiết kế và các không gian thành phần**			

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	***A/* Các nội dung chính trên lớp:** *(15 tiết)* Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(12 tiết)* *3.1. Nguyên tắc thiết kế* 3.1.1. Độc lập, khép kín 3.1.2. Tiện nghi, đa năng hóa không gian sử dụng 3.1.3. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công năng 3.1.4. Đạt giá trị về thẩm mỹ 3.1.5. Tiết kiệm, hiệu quả *3.2. Yêu cầu thiết kế* 3.2.1. Yêu cầu về khu đất và quy hoạch tổng mặt bằng 3.2.2. Yêu cầu về thiết kế kiến trúc 3.2.3. Yêu cầu về thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật 3.2.4. Yêu cầu về phòng chống cháy *3.3. Phân nhóm không gian* 3.3.1. Không gian cá thể 3.3.2. Không gian công cộng 3.3.3. Không gian phục vụ *3.4. Các không gian ngoài nhà* 3.4.1. Mối quan hệ giữa nhà ở và không gian lân cận 3.4.2. Sân vườn 3.4.3. Lối đi bộ 3.4.4. Ga ra, bãi đỗ xe, chỗ quay xe *3.5. Các không gian trong nhà* 3.5.1. Phòng ngủ 3.5.2. Phòng khách 3.5.3. Phòng sinh hoạt chung 3.5.4. Bếp, phòng ăn 3.5.5. Khu vệ sinh 3.5.6. Cầu thang 3.5.7. Ban công, Lô gia 3.5.8. Các không gian khác	Thuyết trình, đặt câu hỏi tình huống, giải quyết tình huống	Thi tự luận	K1, K2, K3
	Nội dung semina/thảo luận: *(3,0 tiết)* Phân tích cách tổ chức không gian phòng khách và bếp trong nhà ở theo tiêu chuẩn bất động sản xanh.	Gợi mở vấn đề, phản biện ý kiến, kết luận	Đánh giá theo khả năng lập luận, giải quyết tình huống	K4, K5, K6
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(35tiết)* Tìm kiếm các mẫu bố trí nội thất nhà ở phù hợp với bất động sản xanh.	Giao nhiệm vụ	Đánh giá theo tính đa dạng của các mẫu	K2, K3
9	**Chương 4. Các xu hướng thiết kế nhà ở**			

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
	***A/ Các* nội dung chính trên lớp:** *(5 tiết)* Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(5 tiết)* *4.1. Thiết kế tối giản* *4.2. Nhà ở đa năng* *4.3. Nhà ở bền vững* *4.4. Nhà ở cao tầng xanh* *4.5. Nhà ở thông minh* *4.6. Nhà ở phục vụ sức khỏe*	Thuyết trình, đặt câu hỏi tình huống, giải quyết tình huống	Thi tự luận	K1, K2, K3
	Nội dung semina/thảo luận: (*0 tiết)*			
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: (10 tiết) Phân tích ưu và nhược điểm của các xu hướng thiết kế nhà ở	Gợi mở các xu hướng thiết kế nhà ở	Đánh giá theo mức độ chuyên sâu của phân tích	K1, K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: Phòng học sạch sẽ, đủ sức chứa.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- Các phương tiện khác: không.
- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams…), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
TS. NGUYỄN VĂN QUÂN	**TS. PHẠM PHƯƠNG NAM**
KT. TRƯỞNG KHOA **PHÓ TRƯỞNG KHOA**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH	**GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG**

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

PHỤ LỤC
THÔNG TIN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Phương Nam	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0918173686
Email: ppnam@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Nguyễn Văn Quân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912815496
Email: nvquan@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Nguyên Hạnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0974817358
Email: bnhanh@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email; điện thoại, gặp trực tiếp

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Lần 1 – 2025: Xây dựng đề cương lần đầu theo đề án mở ngành